

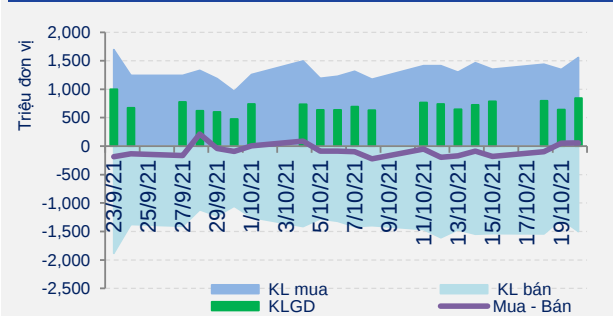
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 20/10/2021

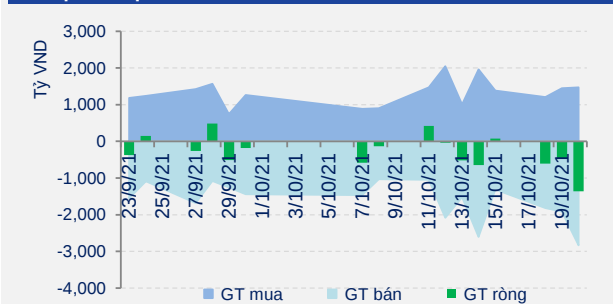
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,393.80	388.29
% Thay đổi	↓ -0.11%	↑ 0.33%
KLGD (CP)	845,890,585	137,098,636
GTGD (tỷ đồng)	23,780.09	2,597.74
Tổng cung (CP)	1,497,979,300	192,575,400
Tổng cầu (CP)	1,557,745,900	180,065,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	59,090,494	1,975,654
KL mua (CP)	35,160,394	646,331
GT mua (tỷ đồng)	1,471.10	11.33
GT bán (tỷ đồng)	2,834.45	46.23
GT ròng (tỷ đồng)	(1,363.35)	(34.90)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Nhà đầu tư	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.92%	24.9	4.0	1.5%
Công nghiệp	↑ 0.20%	19.9	3.0	9.8%
Dầu khí	↓ -1.36%	18.5	2.1	2.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.06%	-	4.8	5.8%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.38%	17.8	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.03%	21.3	4.2	7.4%
Ngân hàng	↓ -0.31%	11.5	2.1	16.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.31%	14.3	3.0	22.9%
Tài chính	↓ -0.02%	18.4	3.2	31.2%
Tiền ích Cộng đồng	→ 0.00%	17.5	3.1	2.6%
VN - Index	↓ -0.11%	17.1	2.8	
HNX - Index	↑ 0.33%	22.9	4.6	

DIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm nhẹ trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index giảm 1,53 điểm (-0,11%) xuống 1.393,8 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 198 mã tăng, 60 mã tham chiếu, 245 mã giảm. HNX-Index tăng 1,29 điểm (+0,33%) lên 388,29 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 155 mã tăng, 60 mã tham chiếu, 88 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 939 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 24.738 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian và có lúc chỉ số VN-Index đã vượt qua ngưỡng 1.400 điểm nhưng áp lực bán gia tăng kể từ khoảng 13h30 trở đi khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, rất may là lực cầu sau đó xuất hiện để thu hẹp mức giảm của chỉ số. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong rổ VN30 phần lớn đều kết phiên trong sắc đỏ, có thể kể đến như SAB (-2,1%), HDB (-1,6%), PLX (-1,6%), BVH (-1,5%), SSI (-1,5%), VCB (-1,5%), FPT (-1%)... đã tạo áp lực điều chỉnh lên chỉ số. Ở chiều ngược lại, chỉ có một vài cổ phiếu lớn là còn giữ được sắc xanh như PDR (+3,1%), VRE (+2,1%), MSN (+1,5%), PNJ (+1%), TCB (+0,9%)... là không đủ sức để giúp giữ vững sắc xanh trên thị trường. Nhóm cổ phiếu bảo hiểm chịu áp lực chốt lời và đồng loạt kết phiên trong sắc đỏ như BVH (-1,5%), PVI (-4%), BMI (-1,8%), MIG (-1,6%), BIC (-2%)... Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng có một phiên giao dịch khá tiêu cực với phần lớn các mã đều giảm như VND (-1,1%), VCI (-1,5%), CDS (-3,1%), VIX (-0,7%), HCM (-0,8%), APS (-1%), SBS (-3,3%)...; chỉ có SHS (+0,5%), FTS (+1,4%) là giữ được sắc xanh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp với thanh khoản gia tăng mạnh. Diễn biến đáng chú ý trong phiên hôm nay là việc thị trường giảm mạnh và nhanh về vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm vào cuối phiên giao dịch rồi hồi phục trở lại ngay sau đó. Điều này cho thấy là bên mua và bên bán vẫn đang giằng co ở vùng giá hiện tại và chưa bên nào thắng cuộc. Khối ngoại bán ròng mạnh với 1.400 tỷ đồng trên hai sàn cũng tạo ra áp lực điều chỉnh lên thị trường chung. Phiên giao dịch tiếp theo là ngày đáo hạn của hợp đồng VN30F2110 nên những biến động mạnh có thể diễn ra, nhà đầu tư cần lưu ý điều này. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 21/10, VN-Index có thể sẽ biến động mạnh, nhất là về cuối phiên.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

20/10/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.401,76 điểm. Từ khoảng 13h30 trở đi, áp lực bán xuất hiện khiến chỉ số lùi xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.376,15 điểm. Ngay sau đó, cầu bắt đáy xuất hiện giúp thu hẹp mức giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 1,53 điểm (-0,11%) xuống 1.393,8 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: MSN tăng 2.100 đồng, TCB tăng 500 đồng, VRE tăng 650 đồng. Ở chiều ngược lại, VCB giảm 1.400 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 390,2 điểm. Có thời điểm về cuối phiên, chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 385,96 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,29 điểm (+0,33%) lên 388,29 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: L14 tăng 3.400 đồng, SDA tăng 2.100 đồng, TIG tăng 400 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 1.900 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.364,74 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 23 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 358,8 tỷ đồng tương ứng với 6,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 235,1 tỷ đồng tương ứng với 4,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FUESSVFL là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 65,8 tỷ đồng tương ứng với 3,2 triệu chứng chỉ quỹ.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 34,89 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,3 triệu cổ phiếu. NRC là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 21,1 tỷ đồng tương ứng với 928,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là TNG với 15,1 tỷ đồng tương ứng với 489,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,5 tỷ đồng tương ứng với 86,9 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Thủ tướng: Đặt mục tiêu GDP tăng trưởng 6-6,5% năm tới

Thủ tướng Phạm Minh Chính cho biết dự kiến có 4/12 chỉ tiêu năm nay chưa đạt mục tiêu đề ra, trong đó tăng trưởng GDP ước đạt dưới mức Quốc hội giao.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là bên mua và bên bán đang giằng co nhau trong vùng giá hiện tại.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Sóng điều chỉnh a sau đó đã kết thúc trong phiên 20/7 khi VN-Index chạm ngưỡng 1.225 điểm rồi hồi phục từ đây.

Và hiện tại là sóng hồi phục b với target theo lý thuyết trong khoảng 1.325-1.350 điểm (fibonacci retracement 50%-61,8%). Thực tế là sóng hồi phục b đã vượt quá target lý thuyết trên để hướng dần đến ngưỡng tâm lý 1.400 điểm.

Với hai phiên giảm liên tiếp nhưng VN-Index vẫn đóng cửa trên vùng hỗ trợ 1.375-1.380 điểm và chỉ số này đã có nhịp test vùng hỗ trợ trong cuối phiên hôm nay và hồi phục lên từ đây nên khả năng để VN-Index hướng đến kháng cự tâm lý 1.400 điểm trong các phiên tiếp theo là vẫn còn.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì có thể VN-Index sẽ cần test lại lực cầu trong vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.375-1.380 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 21/10, VN-Index có thể sẽ biến động mạnh, nhất là về cuối phiên do đây là ngày đáo hạn hợp đồng VN30F2110.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 57,2 - 57,9 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm tăng 3 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 20/10 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.167 VND/USD, tăng 3 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 8,65 USD/ounce tương ứng với 0,49% lên 1.779,1 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

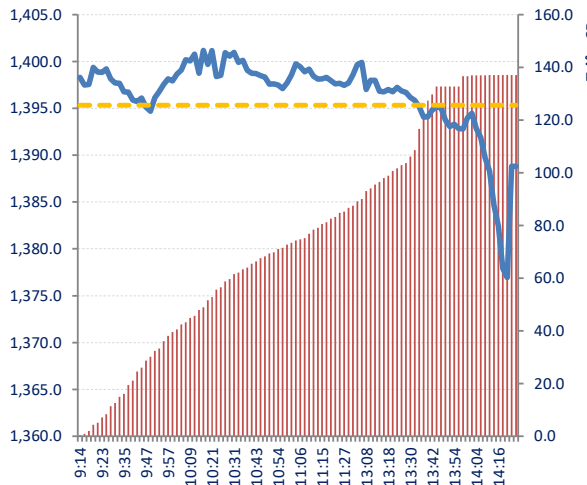
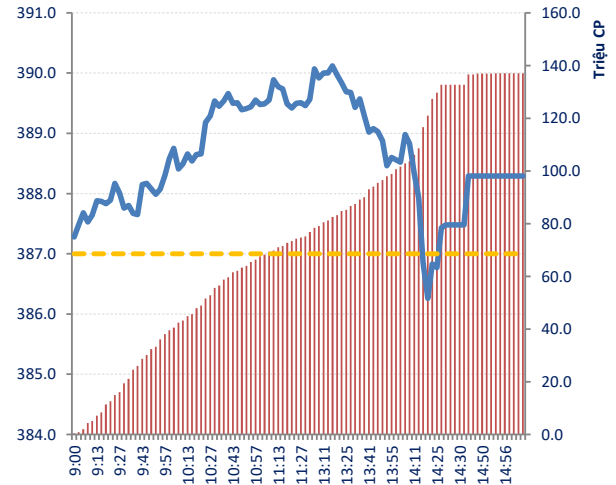
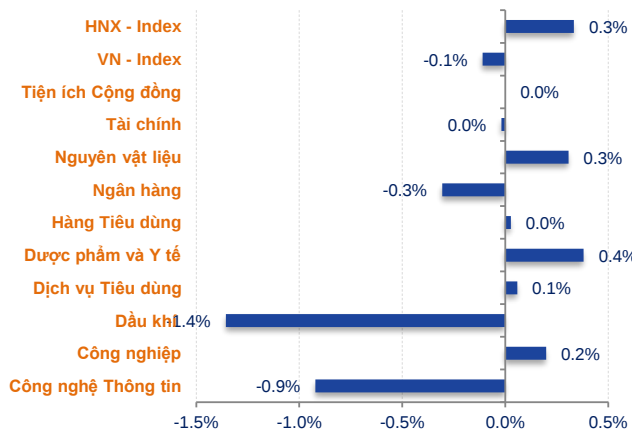
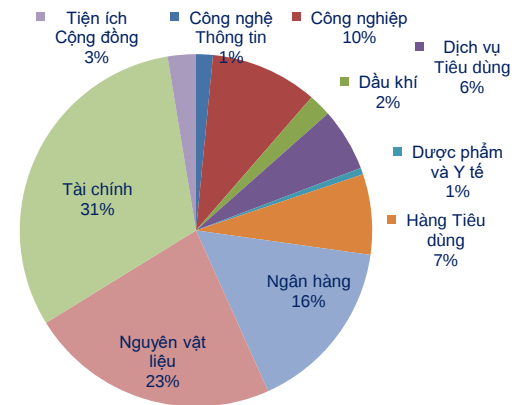
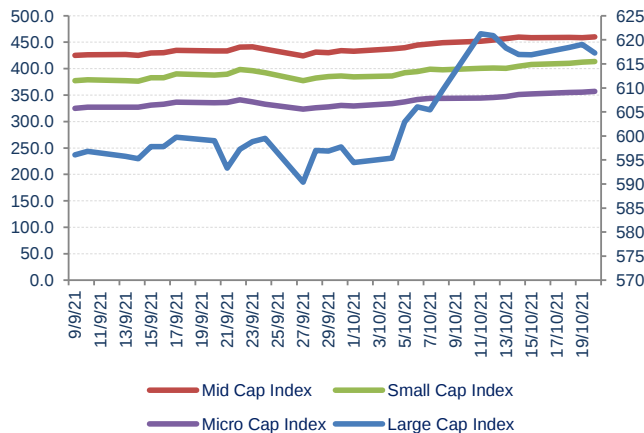
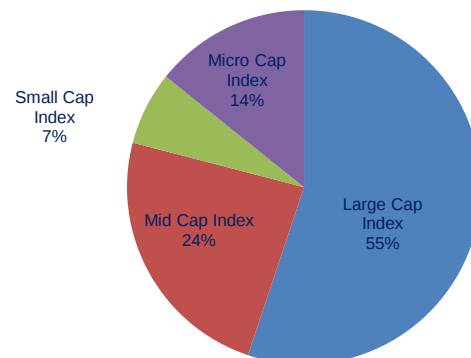
Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,110 điểm tương ứng 0,12% lên 93,840 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1625 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3768 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,43 JPY.

Giá dầu thế giới giảm

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,75 USD/thùng tương ứng với 0,95% xuống 81,64 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/10, Dow Jones tăng 198,7 điểm tương đương 0,56% lên 35.457,31 điểm. Nasdaq tăng 107,28 điểm tương đương 0,71% lên 15.129,09 điểm. Nasdaq Composite tăng 33,17 điểm tương đương 0,74% lên 4.519,63 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUESSVFL	3,235,700	HPG	6,326,200
2	E1VFN30	1,503,600	NLG	4,631,900
3	DPM	1,251,600	CTG	3,558,800
4	FUEVFNVD	910,000	STB	2,876,400
5	VRE	764,000	SSI	2,560,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	86,900	NRC	928,500
2	PVL	69,300	TNG	489,500
3	DS3	64,600	SD9	164,800
4	NBC	40,200	ACM	47,400
5	VIG	40,000	IVS	34,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	4.15	4.44	↑ 6.99%	39,499,100
HPG	57.20	56.90	↓ -0.52%	34,660,900
TCB	52.70	53.20	↑ 0.95%	23,135,300
TTF	8.48	9.05	↑ 6.72%	22,663,600
ITA	7.78	7.94	↑ 2.06%	17,254,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ACM	3.70	4.00	↑ 8.11%	7,811,066
PVS	29.20	28.80	↓ -1.37%	7,032,443
KLF	4.70	4.80	↑ 2.13%	6,737,800
SHS	38.20	38.40	↑ 0.52%	5,604,835
PVL	8.40	8.70	↑ 3.57%	5,400,201

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
JVC	6.59	7.05	0.46	↑ 6.98%
HQC	4.15	4.44	0.29	↑ 6.99%
QBS	4.59	4.91	0.32	↑ 6.97%
PLP	14.40	15.40	1.00	↑ 6.94%
MCG	5.62	6.01	0.39	↑ 6.94%

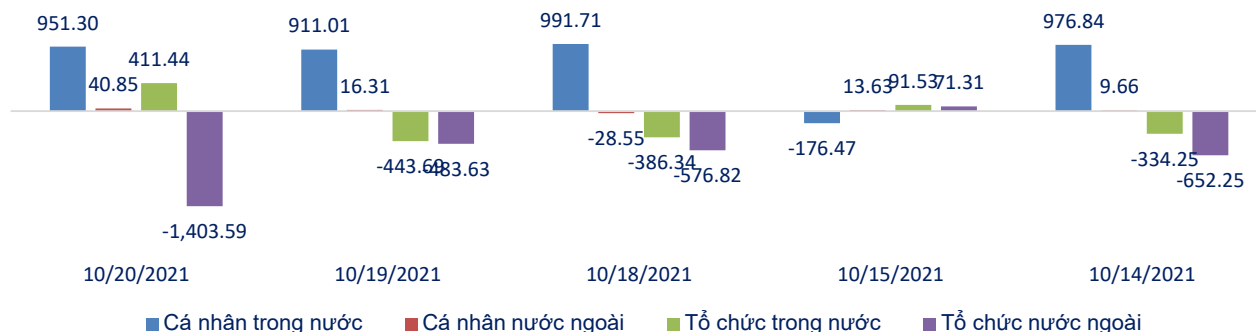
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ICG	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
PDB	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
KHS	23.00	25.30	2.30	↑ 10.00%
ARM	45.00	49.50	4.50	↑ 10.00%
PSE	19.00	20.90	1.90	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	28.90	26.90	-2.00	↓ -6.92%
SII	17.60	16.40	-1.20	↓ -6.82%
DRH	19.95	18.60	-1.35	↓ -6.77%
DAT	27.70	26.00	-1.70	↓ -6.14%
ST8	11.60	10.90	-0.70	↓ -6.03%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PBP	11.00	9.90	-1.10	↓ -10.00%
SMT	18.60	16.90	-1.70	↓ -9.14%
SDC	11.80	11.00	-0.80	↓ -6.78%
KMT	10.80	10.10	-0.70	↓ -6.48%
VLA	19.30	18.10	-1.20	↓ -6.22%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	314.57	39.5%	5,614	10.2	3.5
NLG	210.13	13.2%	3,746	13.1	1.4
SSI	154.97	16.5%	2,060	19.9	2.4
VIC	111.31	4.5%	1,600	57.8	2.2
CTG	102.56	18.5%	3,414	8.9	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	-104.55	21.0%	4,613	11.4	2.2
VNM	-76.61	31.9%	5,109	17.7	5.5
DPM	-55.51	13.7%	2,915	15.2	2.0
AGG	-49.83	18.8%	5,092	8.9	1.5
VPB	-39.77	22.6%	2,794	13.8	1.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	7.41	31.9%	5,109	17.7	5.5
PHR	5.12	21.6%	5,181	10.4	2.3
VRE	4.95	9.2%	1,195	25.4	2.3
POW	3.66	7.5%	1,006	12.2	0.9
VIX	3.31	37.3%	4,381	4.7	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-2.33	39.5%	5,614	10.2	3.5
SSI	-1.26	16.5%	2,060	19.9	2.4
HSG	-1.11	48.3%	7,816	6.3	2.2
HAR	-1.04	0.1%	6	1,418.0	0.8
HQC	-0.96	0.1%	9	456.4	0.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	153.14	36.9%	7,775	10.2	2.7
TCB	104.55	21.0%	4,613	11.4	2.2
VPB	58.86	22.6%	2,794	13.8	1.6
AGG	48.89	18.8%	5,092	8.9	1.5
HPG	44.21	39.5%	5,614	10.2	3.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-74.95	14.4%	1,622	23.0	3.2
FUESSVFL	-66.53	N/A	N/A	N/A	N/A
ITC	-56.96	4.8%	1,160	15.6	0.7
SSI	-51.73	16.5%	2,060	19.9	2.4
FLC	-34.58	15.4%	2,364	4.9	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSVFL	65.97	N/A	N/A	N/A	N/A
DPM	56.95	13.7%	2,915	15.2	2.0
VNM	56.18	31.9%	5,109	17.7	5.5
E1VFN30	38.07	N/A	N/A	N/A	N/A
FUEVFVND	24.15	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-356.45	39.5%	5,614	10.2	3.5
NLG	-235.11	13.2%	3,746	13.1	1.4
VIC	-129.60	4.5%	1,600	57.8	2.2
VHM	-127.42	36.9%	7,775	10.2	2.7
VCB	-113.88	20.6%	5,533	17.4	3.4



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	39,499,100	0.1%	9	456.4	0.5
HPG	34,660,900	3250.0%	5,614	10.2	3.5
TCB	23,135,300	21.0%	4,613	11.4	2.2
TTF	22,663,600	0.0%	(55)	-	-
ITA	17,254,000	1.6%	187	41.7	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ACM	7,811,066	0.0%	2	1,574.2	0.5
PVS	7,032,443	4.4%	1,187	24.6	1.1
KLF	6,737,800	0.0%	4	1,147.4	0.4
SHS	5,604,835	25.5%	3,223	11.9	1.8
PVL	5,400,201	1.1%	53	157.6	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
JVC	↑ 7.0%	-12.3%	(555)	-	1.6
HQC	↑ 7.0%	0.1%	9	456.4	0.5
QBS	↑ 7.0%	-5.4%	(501)	-	0.5
PLP	↑ 6.9%	11.1%	1,251	11.5	1.2
MCG	↑ 6.9%	-6.0%	(348)	-	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ICG	↑ 10.0%	3.6%	567	19.4	0.8
PDB	↑ 10.0%	6.7%	1,061	16.0	1.1
KHS	↑ 10.0%	22.1%	3,842	6.0	1.3
ARM	↑ 10.0%	7.2%	825	54.5	4.0
PSE	↑ 10.0%	14.4%	1,875	10.1	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UESSVF	3,235,700	N/A	N/A	N/A	N/A
EVFN3	1,503,600	N/A	N/A	N/A	N/A
DPM	1,251,600	13.7%	2,915	15.2	2.0
UEVFN	910,000	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	764,000	9.2%	1,195	25.4	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	86,900	4.4%	1,187	24.6	1.1
PVL	69,300	1.1%	53	157.6	1.8
DS3	64,600	6.4%	689	10.3	0.7
NBC	40,200	45.2%	5,610	4.5	2.0
VIG	40,000	-2.5%	(137)	-	1.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	357,536	20.6%	5,533	17.4	3.4
VIC	351,602	4.5%	1,600	57.8	2.2
VHM	345,737	36.9%	7,775	10.2	2.7
HPG	255,851	39.5%	5,614	10.2	3.5
GAS	219,147	16.3%	4,178	27.4	4.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	80,430	33.9%	6,555	35.1	14.1
KSF	21,570	8.8%	783	91.8	3.6
VCS	20,960	42.1%	10,726	12.2	4.9
IDC	18,420	11.3%	1,684	36.5	3.9
BAB	16,343	7.8%	876	24.8	1.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	3.04	22.7%	3,587	17.6	3.6
CTS	2.53	19.5%	2,677	11.1	2.0
AGR	2.45	10.2%	1,004	16.9	1.7
ABS	2.42	7.7%	896	21.8	1.7
IJC	2.28	25.8%	3,971	7.7	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSI	2.91	2.9%	300	44.0	1.2
APS	2.89	22.8%	1,918	15.6	2.7
BTS	2.34	1.1%	120	101.3	1.1
WSS	2.27	8.7%	885	12.8	1.1
HBS	2.23	1.2%	140	82.6	1.0



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn